TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22/11/2018
"V*/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Diếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Đây**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoanh**

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện R tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26 /2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐT-HNGĐ ngày 16/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Bà Nguyễn Thị H,** sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn Q, xã P, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Bà H có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Ông Phạm Trương A**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Ông A có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông A tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 1991. Từ khi chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A

thường xuyên uống rượu, có bạn gái rồi về nhà gây gỗ, đánh đập bà, không chăm lo gì đến cuộc sống gia đình. Từ năm 2007 ông A đã bỏ đi sống riêng không còn quan tâm chăm sóc gì đến ba mẹ con Bà. Đến tháng 02 năm 2018 ông A trở về nhà. Từ lâu bà H đã không còn tình cảm đối với ông A, cuộc sống gia đình đã không còn hạnh phúc. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Phạm Trương A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông A đã có 03 con chung tên: Phạm Thị D, sinh ngày 01/3/1992; Phạm Đình P1, sinh ngày 02/02/1997 và Phạm Thị Như P2, sinh ngày 07/5/2002. Hiện nay cháu D và cháu P1 đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P2 hiện nay đang học lớp 10 tại Trường PTTH R 1 và đang sống với bà. Khi ly hôn Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P2 và không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông A tự thỏa thuận để giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, phiên tòa bị đơn ông Phạm Trương A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà H có yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì vợ chồng đã có 03 đứa con. Ông mong Tòa án xét xử để cho gia đình ông đoàn tụ. Trường hợp bà H cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông thống nhất vợ chồng có ba con chung tên Phạm Thị D, sinh ngày 01/3/1992; Phạm Đình P1, sinh ngày 02/02/1997 và Phạm Thị Như P2, sinh ngày 07/5/2002. Hiện nay cháu D và cháu P1 đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu P2 ông không đồng ý giao cho bà H nuôi. Ông yêu cầu được nuôi cháu P2.

Về tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã C, huyện R. Về phía địa phương cung cấp thông tin: ông A và bà H có đăng ký kết hôn tại UBND xã C. Trong quá trình chung sông giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do do ông Phạm Trương A thường xuyên uống rượu và có người đàn bà ở bên ngoài nên bỏ bê gia đình, đánh đập chị H. Sự việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng ông A vẫn không thay đổi. Ông A và bà H đã sống ly thân hơn 10 năm, không còn quan tâm, qua lại gì với nhau. Nay bà H có đơn yêu cầu ly hôn với ông A thì Tòa án xem xét giải quyết cho bà H. Về con chung: hai người đã có 03 con chung, hiện nay hai cháu lớn đã trưởng thành và đi

làm ăn xa. Còn cháu P2 đang sống với bà H. Do vậy ý kiến của địa phương là Tòa án nên giao con cho bà H tiếp tục nuôi sẽ đảm bảo tốt hơn cho cháu P2.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu*:

Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành và tuân thủ đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật: vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: giữa bà H và ông A có mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân 10 năm nay, không còn ai quan tâm chăm sóc cho nhau là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Tại phiên tòa ông A cũng đồng ý ly hôn nên cần ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà H và ông A.

Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà H và ông A; con chung: giao cháu P2 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông A cấp dưỡng nên không xem xét. Tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết; nợ chung: không có. Án phí dân sự sơ thẩm: bà H tự nguyện chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện R thụ lý, giải quyết yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông A tự nguyệt kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào năm 1991. Do vậy hôn nhân giữa bà H và ông A là hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Giữa bà H và ông A đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Phạm Trương A không chăm lo cho gia đình, bỏ bê gia đình. Và từ năm 2007 ông A đã bỏ nhà đi sống riêng, không quan tâm chăm sóc gì cho vợ, con. Từ đó đến nay bà H và ông A phần ai nấy sống. Bà H lo làm ăn và chăm sóc 03 con. Còn ông A thì đi xa không quan tâm, không liên lạc gì với gia đình. Đến đầu năm 2018 ông A trở về. Nay bà H không còn tình cảm với ông A, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông A không đồng ý ly hôn vì cho rằng giữa ông và bà H đã có chung với nhau 03 đứa con, vì gia đình ông không muốn ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: trong khoảng thời gian chung sống với bà H, ông A đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc cho gia đình. Đã bỏ đi một thời gian dài không quan tâm gì đến gia đình.

Tòa án đã thông báo để hòa giải nhưng ông A không đến Tòa án để hợp tác làm việc. Bà H cương quyết xin ly hôn với ông A vì đã không còn tình cảm với ông A. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà H và ông A có mâu thuẫn, ông A đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm chăm sóc cho gia đình, ông bà đã sống ly thân 10 năm. Do vậy mục đích của hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể duy trì, nên việc bà H yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa bà H, ông A thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trương A.

[3] Về con chung: Bà H và ông A đều thống nhất có 03 con chung tên Phạm Thị D, sinh ngày 01/3/1992; Phạm Đình P1, sinh ngày 02/02/1997 và Phạm Thị Như P2, sinh ngày 07/5/2002. Hiện nay cháu D và cháu P1 đã trưởng thành và có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên Hội đồng không xem xét. Đối với cháu P2 cả ông A và bà H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của bà H, ông A: Từ khi cháu P2 học lớp 2 đến nay cháu P2 ở với bà H vì ông A đã bỏ đi nơi khác. Ông A không quan tâm chăm sóc gì cho cháu P2. Theo nguyện vọng của cháu P2 nếu cha mẹ không sống chung với nhau thì ý kiến của cháu là được sống cùng với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phạm Thị Như P2 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà H không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Phạm Trương A có quyền và nghĩa vụ thăm nôm con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà H, ông A tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]Nợ chung: bà H, ông A đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định, đánh giá như trên, đề nghị của Kiểm sát viện tại phiên toà về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H tự nguyện chịu án phí về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, 82, 83, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Trương A.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Như P2, sinh ngày 07/5/2002 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0004268 ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã C;
- Các đương sư;
- Lưu: hs, vt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diếu